

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HSST
Ngày 11/01/2018

NHÂN DANH
N- ÓC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO - TP HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Duy Việt

Các hội thẩm nhân dân:

1- Ông Đàm Công Du;

2- Bà Trần Thị Thanh.

- Th- ký phiên toà: Bà Vũ Thị Trang là thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão tham gia phiên toà: Ông PH Huy Toàn, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2017/HSST, ngày 15/12/2017 đối với bị cáo:

Lò Văn H, sinh ngày 01/12/1998, nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản S, xã T, huyện C, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Thái; con ông Lò Văn T và bà Lương Thị L; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền sự: không;

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án, tại bản án số 57/2017/HSST ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xử phạt bị cáo 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng, kể từ ngày 22/3/2017 về tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/9/2017, có mặt tại phiên tòa.

Ng- ời bị hại:

1- Anh Hoàng Minh D, sinh năm 1979;

Trú tại: Phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt tại phiên tòa;

2- Ông Đào Xuân H, sinh năm 1959;

Trú tại: Thôn T, xã K, huyện K, Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

3- Anh Vi Văn T, sinh năm 1991;

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt tại phiên tòa.

4- Phạm Tiến H, sinh năm 1993;

Trú tại: Phường L, quận K, Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 25/8/2017, tại khu du lịch sinh thái Đảo Bàu, thôn L, xã M, huyện A, Hải Phòng bị cáo Lò Văn H lợi dụng sơ hở của người có tài sản, đã chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại di động Nokia Lumia 730, 01 máy tính bảng Samsung Galaxy Tab4 của anh Hoàng Minh D; 01 điện thoại Samsung Galaxy J2 của ông Đào Xuân H; 01 xe mô tô BKS 16L1- 4461 của anh Phạm Tiến H. Ngoài ra cùng thời gian và địa điểm trên bị cáo Lò Văn H với mục đích chiếm đoạt tài sản, H nài ra lý do để mượn của anh Vi Văn T 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J2 Prime, sau đó chiếm đoạt chiếc điện thoại này của anh Thường.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/KL-ĐG ngày 28/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Lão đã kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 16L1 - 4461 trị giá 7,000,000đ (bảy triệu đồng), 01 điện thoại Samsung Galaxy J2 Prime màu vàng trị giá 2,250,000đ (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), 01 điện thoại Samsung Galaxy J2 màu đen trị giá 1,700,000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng), 01 điện thoại di động Nokia 730 màu đen trị giá 1,680,000đ (một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng), 01 máy tính bảng Samsung Galaxy Tab4 màu đen trị giá 3,100,000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như trên.

Bản Cáo trạng số 01/CT - VKS ngày 14/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão đã truy tố Lò Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009.

Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm a khoản 1 Điều 50, khoản 2 Điều 51, khoản 5 Điều 60 của Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009, đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn H từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Lừa đảo

chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt chung đối với hai tội từ 36 đến 45 tháng tù, bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của án treo, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai ng- ời bị hại, ng- ời làm chứng, đồng thời phù hợp với tang vật vụ án đã thu giữ đ- ọc, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc xem xét công khai tại phiên tòa đã đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lò Văn H đã thực hiện hành vi, lợi dụng sự sơ hở của ng- ời có tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản của họ, tài sản chiếm đoạt là 01 điện thoại di động Nokia Lumia 730, 01 máy tính bảng Samsung Galaxy Tab4, 01 điện thoại Samsung Galaxy J2, 01 xe mô tô BKS 1611-4461, xác định tổng giá trị bằng 13,480,000đ (mười ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng); hành vi nài ra lý do để mượn tài sản của người bị hại, rồi chiếm đoạt tài sản của họ, tài sản là 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J2 Prime xác định giá trị bằng 2,250,000đ (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Nên đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” vi phạm khoản 1 Điều 138 và khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009.

Hành vi của bị cáo Lò Văn H đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, trong cùng một thời gian phạm nhiều tội. Nên cần xử phạt cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tính giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xem xét đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân đối với bị cáo để áp dụng hình phạt t- ơng xứng.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lò Văn H buổi trưa ngày 25/8/2017 trộm cắp tài sản của ba người bị hại là anh Hoàng Minh D, ông Đào Xuân H và anh Phạm Tiến H ở các vị trí khác nhau, trong đó tài sản trộm cắp của anh Hoàng Minh D và anh Phạm Tiến H có giá trị xác định trên hai triệu đồng, cấu thành tội phạm độc lập; bản thân bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội do cố ý nên bị cáo phải

chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần và tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009.

Về nhân thân: Bị cáo tại quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sơn La buộc đưa đi cai nghiện bắt buộc 10 ngày tại trung tâm cai nghiện huyện T, tỉnh Sơn La. Xét thấy quyết định này là không đúng thẩm quyền, vi phạm khoản 2 Điều 105 của Luật xử lý vi phạm hành chính, nên không xác định đây là tiền sự đối với bị cáo, tuy nhiên cũng cần xét bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, xác định là người có nhân thân xấu.

Bị cáo phạm nhiều tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 của Bộ Luật Hình sự sửa đổi năm 2009 tổng hợp hình phạt đối với bị cáo; Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của án treo, nên áp dụng khoản 5 Điều 60 của Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy có thể xem xét xử phạt bị cáo theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, cũng đủ tính giáo dục và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng khoản 5 Điều 138, khoản 5 Điều 139 của Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009 phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ng-ời bị hại không yêu cầu bị cáo bồi th-ờng nên Hội đồng xét xử không xét.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra công an huyện An Lão đã giải quyết theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với số tiền 3,600,000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo bán tài chiếm đoạt được, số tiền này xác định là tiền do phạm tội mà có, nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2009 cần truy thu của bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Trong vụ án còn có Tô Văn C là người mua chiếc máy tính bảng của bị cáo H trộm cắp được, nhưng C không biết tài sản này do phạm tội mà có, nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138, khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 50, khoản 2 Điều 51, khoản 5 Điều 60 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Văn H 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo phải chấp hành hình phạt đối với hai tội là 39 (ba mươi chín) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 08 (tám tháng) tù cho hưởng án treo của bản án số 57/2017/HSST ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sơn La, bị cáo Lò Văn H phải chấp hành hình phạt chung là 47 (bốn mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (ngày 29/9/2017), bị cáo được khấu trừ thời giam tạm giữ, tạm giam của bản án số 57/2017/HSST ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sơn La là 02 (hai) tháng 10 (mười) ngày (kể từ ngày 10/01/2017 đến ngày 22/3/2017).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2009.

Truy thu của bị cáo số tiền 3,600,000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ng-ời bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ-ợc bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án đối với khoản tiền truy thu nếu bị cáo ch- a nộp khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự t- ong ứng với thời gian ch- a thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKS ND TP Hải Phòng;
- Phòng PV27, PC81CA. TP;
- Sở tư pháp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKS ND huyện An Lão;
- Công an huyện An Lão;
- THA (HS);
- THA (DS);
- Những người tham gia tổ tụng;
- Lưu HCTP.

Đinh Duy Việt